**Shape, square

Description automatically generated**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**BÁO CÁO**

**MÔN: NGUYÊN LÝ MÁY HỌC**

**ĐỀ TÀI: PHÁT HIỆN KHỐI U NÃO TỪ ẢNH CHỤP CỘNG HƯỞNG TỪ CỦA NÃO**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sinh viên thực hiện: |  |  |
|  | Lê Nguyễn Quang Bình | 21022010 |
|  | Nguyễn Hữu Thọ | 21022008 |
|  | Lớp: ĐH. KHMT 2021 |  |
|  | Khóa: 2021 - 2025 |  |
|  |  |  |
| Giáo viên hướng dẫn: | TS. Phan Anh Cang |  |
|  | GV. Nguyễn Ngọc Hoàng Quyên | |

Vĩnh Long, - Năm 2023

LỜI CAM ĐOAN

Chúng em, nhóm nghiên cứu, xin cam kết rằng nội dung trong bài báo cáo này là kết quả của quá trình nghiên cứu, tổng hợp và đánh giá cẩn thận và tỉ mỉ của chúng em. Chúng em đã tham khảo từ các nguồn tài liệu có nguồn gốc rõ ràng và đáng tin cậy, và chúng em đã chỉ sử dụng thông tin từ những nguồn đã được cho phép. Mọi nguồn được trích dẫn đều đã được ghi rõ ràng và đầy đủ trong bài báo cáo này.

Chúng em hiểu rằng việc cung cấp thông tin sai lệch có thể ảnh hưởng tới mục tiêu và tính xác thực của bài báo cáo này. Do đó, chúng em xin chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu có bất kỳ thông tin sai lệch nào được phát hiện trong báo cáo của mình. Chúng em xin trân trọng cảm ơn và hy vọng bài báo cáo này sẽ đáp ứng được mọi yêu cầu và kỳ vọng.

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 06 năm 2023

# **LỜI CẢM ƠN**

**Đầu tiên và quan trọng nhất, chúng em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Vĩnh Long vì đã tích cực đưa môn Nguyên lý Máy học vào chương trình giảng dạy. Trên hết, chúng em muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Giảng viên TS. Phan Anh Cang và GV. Nguyễn Ngọc Hoàng Quyên, người đã tận tâm hướng dẫn chúng em trong suốt quá trình học tập và hoàn thành báo cáo học phần Nguyên lý Máy học với đề tài đầy thách thức: “Phát hiện khối u não từ ảnh chụp cộng hưởng từ của não”.**

**Khi tham gia lớp Nguyên lý Máy học do thầy/cô phụ trách, chúng em đã học hỏi được nhiều kiến thức bổ ích, thúc đẩy tinh thần học tập hiệu quả và nghiêm túc. Những kiến thức này không những quý báu mà còn là hành trang vững chắc cho chúng em tiến bước trong tương lai. Trong quá trình thực hiện báo cáo, các thầy đã rất nhiệt tình góp ý, giúp chúng em nâng cao chất lượng bài viết, đồng thời truyền đạt thêm nhiều kiến thức có ích trong suốt quá trình học và hoàn thành học phần Nguyên lý Máy học.**

**Bộ môn Nguyên lý Máy học là một môn học cực kỳ thú vị, bổ ích và thực tế. Nó không chỉ đảm bảo cung cấp đầy đủ kiến thức mà còn liên kết chặt chẽ với nhu cầu thực tế của sinh viên. Tuy nhiên, do hạn chế về kiến thức và khả năng tiếp thu thực tế, nhóm em còn gặp nhiều khó khăn.**

**Dù nhóm em đã cố gắng hết sức, nhưng không thể tránh khỏi những thiếu sót và những phần chưa chính xác trong báo cáo. Vì vậy, nhóm em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến nhiệt tình từ thầy/cô và các bạn, giúp nhóm em hoàn thiện hơn và rút kinh nghiệm cho những học phần sau.**

**Nhóm em xin chân thành cảm ơn thầy/cô!**

**MỤC LỤC**

[LỜI CAM ĐOAN I](#_Toc137653018)

[**LỜI CẢM ƠN** II](#_Toc137653019)

[**MỞ ĐẦU** 2](#_Toc137653020)

[**1. Lý do chọn đề tài.** 2](#_Toc137653021)

[**2. Mục đích nghiên cứu.** 2](#_Toc137653022)

[**3. Đối tượng nghiên cứu.** 2](#_Toc137653023)

[**4. Phạm vi nghiên cứu.** 2](#_Toc137653024)

[**5. Phương pháp nghiên cứu.** 2](#_Toc137653025)

[**5.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết.** 2](#_Toc137653026)

[**6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiển của dự đoán khối u não.** 3](#_Toc137653027)

[**6.1. Ý nghĩa khoa học.** 3](#_Toc137653028)

[**6.2. Ý nghĩa thực tiển.** 3](#_Toc137653029)

[CHƯƠNG 1: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA ĐỀ TÀI 4](#_Toc137653030)

[1.1. Cơ sở lý luận của đề tài 4](#_Toc137653031)

[**CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI** 5](#_Toc137653032)

[**2.1.** **Tìm hiểu về khối u trong não** 5](#_Toc137653033)

[**2.1.1.** **Định nghĩa về khối u não** 5](#_Toc137653034)

[**2.1.2.** **Nguyên nhân tạo khối u não** 5](#_Toc137653035)

[**2.1.3.** **Dấu hiệu xuất hiện** 5](#_Toc137653036)

[**2.1.4.** **Hậu quả khi bị** 6](#_Toc137653037)

[**2.2.** **Tổng quan về trí tuệ nhân tạo.** 7](#_Toc137653038)

[**2.3.** **Kỹ thuật deep learning.** 7](#_Toc137653039)

[**2.4.** **Tổng quan về ngôn ngữ python.** 7](#_Toc137653040)

[**2.5.** **Thư viện Tensorflow.** 7](#_Toc137653041)

[**2.6.** **Mô hình MobileNet.** 7](#_Toc137653042)

[**2.7.** **Mô hình Resnet.** 8](#_Toc137653043)

[**2.8.** **Mô hình DenseNet.** 9](#_Toc137653044)

[**2.9.** **Dánh giá mô hình.** 10](#_Toc137653045)

[**CHƯƠNG 1.** **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU** 11](#_Toc137653046)

[**3.1.** **Đặc điểm dữ liệu.** 11](#_Toc137653047)

[**3.2.** **Mô hình nghiên cứu.** 12](#_Toc137653048)

[**3.3.** **Phương pháp nghiên cứu.** 12](#_Toc137653049)

[**3.3.1.** **Giai đoạn huấn luyện mô hình.** 12](#_Toc137653050)

[**3.3.2.** **Giai đoạn kiểm thư mô hình.** 12](#_Toc137653051)

[**3.4.** **Kịch bản nghiên cứu.** 12](#_Toc137653052)

[**CHƯƠNG 2.** **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THỰC NGHIỆM** 12](#_Toc137653053)

[**4.1.** **Môi trường cài đặt** 12](#_Toc137653054)

[**4.2.** **Các tham số của mô hình** 12](#_Toc137653055)

[**4.3.** **Kết quả.** 12](#_Toc137653056)

[**4.4.** **Đánh giá.** 12](#_Toc137653057)

[**KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN** 12](#_Toc137653058)

[**Kết luận.** 12](#_Toc137653059)

[**Hướng phát triển.** 12](#_Toc137653060)

[**TÀI LIỆU THAM KHẢO** 12](#_Toc137653061)

**MỞ ĐẦU**

1. **Lý do chọn đề tài.**

Khối u não là sự phát triển bất thường của các tế bào trong não. Các khối u não có thể lành tính (không ung thư) hoặc ác tính (ung thư). Các khối u não lành tính không lan sang các bộ phận khác của cơ thể, nhưng chúng vẫn có thể gây ra vấn đề bằng cách chèn ép hoặc xâm lấn mô não bình thường. Các khối u não ác tính có thể lan sang các bộ phận khác của cơ thể và chúng thường gây tử vong. Vì vậy việc nghiên cứu máy học nhằm nhận diện khối u trong y học nhằm tiết kiệm nhân lực là điều vô cùng cần thiết.

1. **Mục đích nghiên cứu.**

Máy học giúp giảm thời gian chuẩn đoán và tăng độ chính xác từ đó có thể đưa ra các quyết định điều trị tốt hơn.

Khoanh vùng, chuẩn đoán kích thước cũng như hình dạng của khối u và để xác định chúng có lây lan sang các phần khác của não hay không.

Giúp đánh giá nguy cơ tái phát ung thư từ đó có thể lựa chọn cách điều trị tốt nhất.

1. **Đối tượng nghiên cứu.**

Não bộ con người.

Trong nghiên cứu này, đối tượng chính là bộ dữ liệu ảnh chụp cộng hưởng từ của não, bao gồm cả ảnh của não bình thường và não có khối u.

1. **Phạm vi nghiên cứu.**

Dựa trên ảnh chụp cộng hưởng từ (MRI) của não.

Trong nghiên cứu này, phạm vi nghiên cứu rất rộng lớn, bao gồm việc thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu ảnh chụp cộng hưởng từ (MRI) của não. Phạm vi này cũng bao gồm việc thiết kế, huấn luyện và tối ưu hóa các mô hình máy học để phát hiện và phân loại khối u.

1. **Phương pháp nghiên cứu.**
   1. **Phương pháp nghiên cứu lý thuyết.**

Học sâu là một loại máy học sử dụng mạng thần kinh nhân tạo để học từ dữ liệu. Các thuật toán học sâu đã được chứng minh là rất hiệu quả trong việc phân loại hình ảnh khối u não và chúng đang được sử dụng trong một số thử nghiệm lâm sàng.

* 1. **Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm.**

Dự đoán chéo tập dữ liệu được chia ngẫu nhiên thành tập huấn luyện và tập kiểm tra. Tập huấn luyện được sử dụng để huấn luyện thuật toán học máy và tập kiểm tra được sử dụng để đánh giá hiệu suất của thuật toán.

1. **Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiển của dự đoán khối u não.**
   1. **Ý nghĩa khoa học.**

Việc phát hiện và chẩn đoán sớm các khối u não trong máy học, có khả năng cải thiện độ chính xác và hiệu quả của việc phát hiện khối u não, đồng thời giúp các bác sĩ đưa ra quyết định điều trị tốt hơn. Còn có thể được sử dụng để phân đoạn các khối u trong hình ảnh y tế giúp đo kích thước và hình dạng của khối u, đồng thời xác định xem chúng có lan sang các phần khác của não hay không. Ngoài ra có thể được sử dụng để dự đoán nguy cơ tái phát khối u cũng như có thể đưa ra các so sánh về phương pháp điều trị khác nhau

* 1. **Ý nghĩa thực tiển.**

Có thể giúp đưa ra dự đoán chính xác hơn so với con người, giảm thời gian phân tích ảnh từ đó giảm thời gian chuẩn đoán và điều trị. Việc phát hiện và chẩn đoán sớm các khối u não có thể giúp cải thiện kết quả của bệnh nhân, chẳng hạn như tăng tỷ lệ sống sót và giảm tác dụng phụ do điều trị. Còn có thể tự động hóa từ đó giảm được các chi phí chuẩn đoán.

1. **Cấu trúc đề cương**

**Chương 1:** Tổng quan đề tài

**Chương 2:** Cơ sở khoa học của đề tài

**Chương 3:** Cơ sở lý thuyết

**Chương 4:** Phương pháp đề xuất

**Chương 5:** Kết quả nghiên cứu và thực nghiệm

**Chương 6:** Kết luận

## CHƯƠNG 1: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA ĐỀ TÀI

## Cơ sở lý luận của đề tài

* 1. **Cơ sở thực tiễn**
  2. **Tổng quan các công trình nghiên cứu quan**
     1. ***Các công trình nghiên cứu trên thế giới***

Một nghiên cứu đã tiến hành sử dụng học sâu và cơ chế chú ý để phân đoạn khối u não từ ảnh MRI đa modal. Mô hình học sâu được đề xuất đã giảm thời gian tính toán và khắc phục vấn đề quá khớp trong mô hình học sâu theo chuỗi, bằng cách làm việc chỉ trên một phần nhỏ của hình ảnh thay vì toàn bộ hình ảnh. Mô hình cũng sử dụng một cơ chế chú ý mới để cải thiện độ chính xác của phân đoạn khối u não. <https://www.nature.com/articles/s41598-021-90428-8>

Một nghiên cứu khác đã đề xuất hai phương pháp học sâu và một số phương pháp học máy để chẩn đoán ba loại khối u: glioma, meningioma, và khối u tuyến yên, cũng như não khỏe mạnh không có khối u, bằng cách sử dụng ảnh chụp cộng hưởng từ của não. Mô hình Convolutional Neural Network 2D (CNN) được đề xuất đã đạt được độ chính xác huấn luyện là 96,47% và kết quả là 0,99 hoặc 1 cho diện tích dưới đường cong ROC. Mô hình này ít phức tạp hơn mạng auto-encoder và có thể được sử dụng bởi các bác sĩ chẩn đoán hình ảnh và các bác sĩ trong hệ thống lâm sàng để phát hiện khối u não

<https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/36691030/>

Một nghiên cứu khác đã đề xuất một khuôn khổ mới cho việc phát hiện khối u não sử dụng ảnh MR. Khuôn khổ này dựa trên mạng neural hoàn toàn chập (FCNN) và các kỹ thuật học chuyển giao. Mô hình đã đạt được độ chính xác trung bình 96,50%, 97,50%, và 98% cho việc phân đoạn và 96,49%, 97,31%, và 98,79% cho việc phân loại khối u não trên các tập dữ liệu BRATS2018, BRATS2019, và BRATS2020, tương ứng

<https://www.hindawi.com/journals/bmri/2021/3365043/>

* + 1. ***Các công trình nghiên cứu tại Việt Nam***

Một nghiên cứu, được công bố trên tạp chí Y học Tự nhiên vào năm 2017, đã sử dụng CNN để đạt được độ chính xác 97% trong việc phát hiện các khối u não từ quét MRI. CNN đã được đào tạo về bộ dữ liệu gồm hơn 10.000 lần quét MRI và có thể xác định các khối u có đường kính nhỏ tới 1 mm. Một nghiên cứu khác, được công bố trên tạp chí Radiology năm 2018, đã sử dụng CNN để đạt được độ chính xác 95% trong việc phát hiện các khối u não từ quét MRI. CNN đã được đào tạo về bộ dữ liệu gồm hơn 7.000 lần quét MRI và có thể xác định các khối u có đường kính nhỏ tới 2 mm.

## CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

## Tìm hiểu về bệnh ung thư phổi

## Định nghĩa về bệnh khối u nào

## Một khối u não (còn được gọi là khối u nội sọ) là một khối mô bất thường trong đó các tế bào phát triển và nhân lên không kiểm soát, dường như không được kiểm soát bởi các cơ chế kiểm soát các tế bào bình thường. Các khối u có thể lành tính (không phải ung thư) hoặc ác tính (ung thư).

## Nguyên nhân gây ra bệnh

## Tuổi tác: Nguy cơ phát triển khối u não tăng theo tuổi tác. Độ tuổi chẩn đoán trung bình là 65 tuổi. Tuy nhiên, u não có thể xảy ra ở mọi lứa tuổi, kể cả ở trẻ em.

## Giới tính: Đàn ông có khả năng phát triển khối u não cao hơn một chút so với phụ nữ.

## Chủng tộc: U não phổ biến ở người da trắng hơn người da đen.

## Tiền sử gia đình: Những người có tiền sử gia đình mắc bệnh u não có nguy cơ mắc bệnh u não cao hơn.

## Tiếp xúc với bức xạ: Tiếp xúc với mức độ cao của bức xạ, chẳng hạn như từ liệu pháp bức xạ ion hóa, có thể làm tăng nguy cơ phát triển khối u não. Đây là một rủi ro hiếm gặp, nhưng điều quan trọng cần lưu ý là nó có tồn tại.

## Một số yếu tố môi trường: Tiếp xúc với một số yếu tố môi trường, chẳng hạn như một số hóa chất hoặc vi rút, cũng có thể làm tăng nguy cơ phát triển khối u não. Những yếu tố này không được hiểu rõ, nhưng chúng được cho là có vai trò trong một số ít trường hợp.

## Dấu hiệu bệnh ung thư phổi

## Nhức đầu: Nhức đầu là triệu chứng phổ biến nhất của khối u não. Chúng có thể tồi tệ hơn vào buổi sáng hoặc khi gắng sức. Những cơn đau đầu có thể khác với bất kỳ cơn đau đầu nào bạn từng mắc phải trước đây. Chúng có thể nghiêm trọng hơn, thường xuyên hơn hoặc kéo dài hơn.

## Buồn nôn và nôn: Buồn nôn và nôn có thể do tăng áp lực bên trong hộp sọ. Áp lực này có thể do chính khối u gây ra hoặc do sự phát triển của khối u.

## Co giật: Co giật có thể do khối u đè lên bề mặt não hoặc làm gián đoạn hoạt động điện trong não. Động kinh có thể ngắn hoặc kéo dài. Chúng có thể nhẹ hoặc nặng.

## Các vấn đề về thị lực: Các vấn đề về thị lực có thể do khối u đè lên dây thần kinh thị giác hoặc làm gián đoạn khả năng xử lý thông tin thị giác của não. Các vấn đề về thị lực có thể bao gồm nhìn mờ, nhìn đôi hoặc mất thị lực.

## Các vấn đề về thính giác: Các vấn đề về thính giác có thể do khối u đè lên dây thần kinh thính giác hoặc làm gián đoạn khả năng xử lý thông tin thính giác của não. Các vấn đề về thính giác có thể bao gồm mất thính giác, ù tai hoặc khó hiểu lời nói.

## Thay đổi tính cách: Thay đổi tính cách có thể do khối u đè lên thùy trán của não, nơi chịu trách nhiệm về tính cách và hành vi. Thay đổi tính cách có thể bao gồm thay đổi tâm trạng, cáu kỉnh và thay đổi hành vi xã hội.

## Các vấn đề về trí nhớ: Các vấn đề về trí nhớ có thể do khối u đè lên thùy thái dương của não, chịu trách nhiệm về trí nhớ. Các vấn đề về trí nhớ có thể bao gồm khó nhớ các sự kiện gần đây, khó nhớ tên và khó học thông tin mới.

## Yếu hoặc liệt: Yếu hoặc liệt một bên cơ thể có thể do khối u đè lên vỏ não vận động. Điểm yếu hoặc tê liệt có thể từ nhẹ đến nặng.

## Chóng mặt hoặc các vấn đề về thăng bằng: Chóng mặt hoặc các vấn đề về thăng bằng có thể do các khối u đè lên hệ thống tiền đình của não, hệ thống chịu trách nhiệm về sự cân bằng. Chóng mặt hoặc các vấn đề về thăng bằng có thể khiến bạn khó đi lại, đứng hoặc ngồi thẳng.

## Các vấn đề về giọng nói: Các vấn đề về giọng nói có thể do khối u chèn ép lên các trung tâm nói của não. Các vấn đề về lời nói có thể bao gồm khó nói rõ ràng, khó hiểu lời nói và khó nuốt.

## Mệt mỏi: Mệt mỏi là triệu chứng phổ biến của u não. Nó có thể được gây ra bởi chính khối u hoặc do điều trị khối u. Mệt mỏi có thể gây khó khăn cho các hoạt động hàng ngày.

## Hậu quả khi bị bệnh ung thư phổi

## Tử vong: Nguy cơ tử vong do u não phụ thuộc vào loại khối u, kích thước khối u, tuổi và sức khỏe tổng thể của bệnh nhân. Ví dụ, nguy cơ tử vong do u nguyên bào thần kinh đệm, một loại u thần kinh đệm cao cấp, là khoảng 50% trong vòng 5 năm sau khi chẩn đoán. Tuy nhiên, nguy cơ tử vong do u màng não, một loại u thần kinh đệm cấp thấp, thấp hơn nhiều, khoảng 5% trong vòng 10 năm sau khi chẩn đoán.

## Tàn tật: Nguy cơ tàn tật do khối u não phụ thuộc vào vị trí của khối u, kích thước của khối u và loại khối u. Ví dụ, các khối u phát triển gần vỏ não vận động có thể gây tê liệt, trong khi các khối u phát triển gần trung tâm ngôn ngữ của não có thể gây ra các vấn đề về giọng nói.

## Tác dụng phụ của điều trị: Các tác dụng phụ của điều trị u não phụ thuộc vào loại điều trị được sử dụng. Ví dụ, phẫu thuật có thể gây đau, sưng và nhiễm trùng. Xạ trị có thể gây rụng tóc, mệt mỏi, buồn nôn và nôn. Hóa trị có thể gây rụng tóc, mệt mỏi, buồn nôn, nôn và suy giảm hệ miễn dịch.

## Khó khăn về tài chính: Chi phí điều trị u não có thể cao, đặc biệt nếu khối u lớn hoặc nếu bệnh nhân cần nhiều loại điều trị. Chi phí điều trị cũng có thể phụ thuộc vào bảo hiểm của bệnh nhân. Ví dụ, bệnh nhân có bảo hiểm tư nhân có thể phải trả một phần chi phí điều trị, trong khi bệnh nhân có Medicare hoặc Medicaid có thể không phải trả bất kỳ khoản nào.

## Việc chuẩn đoán và cách điều trị

## Tổng quan về nguyên lý máy học

## Nguyên lý máy học là gì?

## Máy học (Machine Learning) là một nhánh của trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence), tập trung vào việc xây dựng các mô hình và thuật toán cho phép máy tính "học" từ dữ liệu, thay vì được lập trình cụ thể để thực hiện một tác vụ nhất định. Mục tiêu chính của máy học là tạo ra mô hình dự đoán hoặc quyết định mà không cần sự can thiệp hay chỉ đạo rõ ràng từ con người.

## Ứng dụng của nguyên lý máy học

## Một số ứng dụng của nguyên lý máy học như:

## Phân loại hình ảnh: Máy học được sử dụng để xây dựng mô hình có thể phân loại hình ảnh vào các loại khác nhau dựa trên nội dung của chúng. Ví dụ, các mô hình phân loại hình ảnh có thể được sử dụng để nhận dạng các đối tượng trong hình ảnh, nhận dạng khuôn mặt hoặc phát hiện các đối tượng cụ thể.

## Phân tích ngôn ngữ tự nhiên (NLP): Máy học cũng được sử dụng trong việc phân tích và xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Ví dụ, các mô hình máy học có thể được sử dụng để dịch ngôn ngữ, phân loại văn bản, phát hiện cảm xúc từ văn bản, hoặc tạo ra văn bản mới.

## Dự đoán thị trường tài chính: Trong thị trường tài chính, máy học được sử dụng để xây dựng mô hình dự đoán giá cổ phiếu, dự đoán xu hướng thị trường hoặc phân tích rủi ro tài chính.

## Y tế: Trong ngành y tế, máy học có thể được sử dụng để dự đoán bệnh dựa trên các triệu chứng, hình ảnh y tế, hoặc dữ liệu về lịch sử bệnh của bệnh nhân.

## Tự động hóa quảng cáo: Trong quảng cáo, máy học có thể được sử dụng để tự động hóa việc nhắm mục tiêu quảng cáo dựa trên dữ liệu về hành vi của người dùng.

## Dự đoán khách hàng: Máy học có thể được sử dụng để phân loại khách hàng, dự đoán hành vi mua hàng và tối ưu hóa chiến lược tiếp thị.

## Kỹ thuật deep learning

## Khái ngiệm Deep learning

## Deep learning là một loại máy học sử dụng mạng thần kinh nhân tạo để học từ dữ liệu. Mạng lưới thần kinh được lấy cảm hứng từ cách thức hoạt động của bộ não con người và chúng có thể học các mẫu dữ liệu phức tạp khó hoặc không thể học được bằng các kỹ thuật học máy truyền thống.

## Ưu nhược điểm của kỹ thuật deep learning

## Ứng dụng của deep learning

## Tổng quan về ngôn ngữ python

## Python là ngôn ngữ lập trình máy tính bậc cao thường được sử dụng để xây dựng trang web và phần mềm, tự động hóa các tác vụ và tiến hành phân tích dữ liệu. Python là ngôn ngữ có mục đích chung, nghĩa là nó có thể được sử dụng để tạo nhiều chương trình khác nhau và không chuyên biệt cho bất kỳ vấn đề cụ thể nào.

## Thư viện Tensorflow

## TensorFlow là một thư viện phần mềm nguồn mở và miễn phí dành cho máy học và trí tuệ nhân tạo. Nó có thể được sử dụng trong nhiều nhiệm vụ nhưng tập trung đặc biệt vào đào tạo và suy luận về mạng lưới thần kinh sâu.

## Thư viện Keras

## Mô hình MobileNet.

## A picture containing screenshot, text, diagram, design Description automatically generated

## MobileNet là kiến trúc mạng thần kinh tích chập (CNN) do Google đề xuất vào năm 2017. Đây là một loại CNN được thiết kế nhẹ và hiệu quả, phù hợp với thiết bị di động và thiết bị nhúng.

## MobileNet đã được chứng minh là đạt được kết quả tiên tiến trong nhiều tác vụ phân loại hình ảnh, đồng thời hiệu quả hơn đáng kể so với CNN truyền thống. Ví dụ: MobileNet-V2 đạt tỷ lệ lỗi trong top 5 là 21,9% trên bộ dữ liệu ImageNet, trong khi chỉ sử dụng 1,4 triệu tham số. Đây là số tham số ít hơn đáng kể so với các CNN tiên tiến khác, chẳng hạn như ResNet-50, có 25,6 triệu tham số.

## MobileNet là một kiến trúc CNN mạnh mẽ và linh hoạt, có thể được sử dụng cho nhiều nhiệm vụ khác nhau. Nó đặc biệt phù hợp với các nhiệm vụ phân loại hình ảnh, nhưng nó cũng có thể được sử dụng cho các nhiệm vụ khác như phát hiện và phân đoạn đối tượng.

* 1. **Mô hình Resnet.**

## A picture containing parallel Description automatically generated

Residual Networks (ResNets) là một loại mô hình học sâu thường được sử dụng để phân loại hình ảnh và các tác vụ thị giác máy tính khác. Chúng được giới thiệu lần đầu tiên vào năm 2015 bởi Kaiming He, Xiangyu Zhang, Shaoqing Ren và Jian Sun trong bài báo "Deep Residual Learning for Image Recognition" của họ.

ResNets hoạt động bằng cách sử dụng một loạt " Residual block" để tìm hiểu các chức năng còn lại được thêm vào đầu vào của mạng. Điều này cho phép mạng học các tính năng phức tạp hơn bằng cách xây dựng trên các tính năng đơn giản hơn đã được học.

Input: x

Residual block:

\* Conv2d: 3x3 kernel, 64 filters

\* Batch normalization

\* ReLU activation

\* Conv2d: 3x3 kernel, 64 filters

\* Batch normalization

\* ReLU activation Shortcut:

\* Identity

Output: F(x) = H(x) + x

ResNets đã được chứng minh là rất hiệu quả để phân loại hình ảnh. Trong Thử thách nhận dạng hình ảnh quy mô lớn ImageNet (ILSVRC) năm 2015, một mô hình ResNet có tên ResNet-50 đã đạt được tỷ lệ lỗi nằm trong top 5 là 3,57%, tốt hơn đáng kể so với bất kỳ mô hình nào khác đã được gửi tham gia cuộc thi.

ResNets cũng đã được sử dụng cho các tác vụ thị giác máy tính khác, chẳng hạn như phát hiện đối tượng và phân đoạn ngữ nghĩa. Chúng cũng đã được sử dụng cho các nhiệm vụ xử lý ngôn ngữ tự nhiên, chẳng hạn như phân loại văn bản và dịch máy.

## Mô hình DenseNet

## neural networks - Why are there transition layers in DenseNet? - Artificial Intelligence Stack ExchangeDenseNet là một kiến trúc mạng thần kinh tích chập (CNN) được đề xuất vào năm 2016 bởi Huang et al. Nó là một loại CNN sử dụng các kết nối dày đặc giữa các lớp. Điều này có nghĩa là mỗi lớp trong mạng được kết nối với tất cả các lớp trước đó, cũng như với lớp tiếp theo. Mẫu kết nối này cho phép DenseNets tìm hiểu các tính năng mạnh mẽ hơn so với CNN truyền thống.

## DenseNets có một số lợi thế so với CNN truyền thống. Đầu tiên, chúng làm giảm bớt vấn đề biến mất-gradient. Đây là một vấn đề xảy ra trong các mạng thần kinh sâu, trong đó độ dốc của hàm mất đối với trọng số của mạng có thể trở nên rất nhỏ, khiến mạng khó học. DenseNets giảm thiểu vấn đề này bằng cách cho phép thông tin truyền qua mạng dễ dàng hơn.

## Thứ hai, DenseNets tăng cường tuyên truyền tính năng. Điều này có nghĩa là các tính năng được học bởi các lớp đầu tiên trong mạng được truyền tới các lớp sau, nơi chúng có thể được sử dụng để cải thiện độ chính xác của mạng.

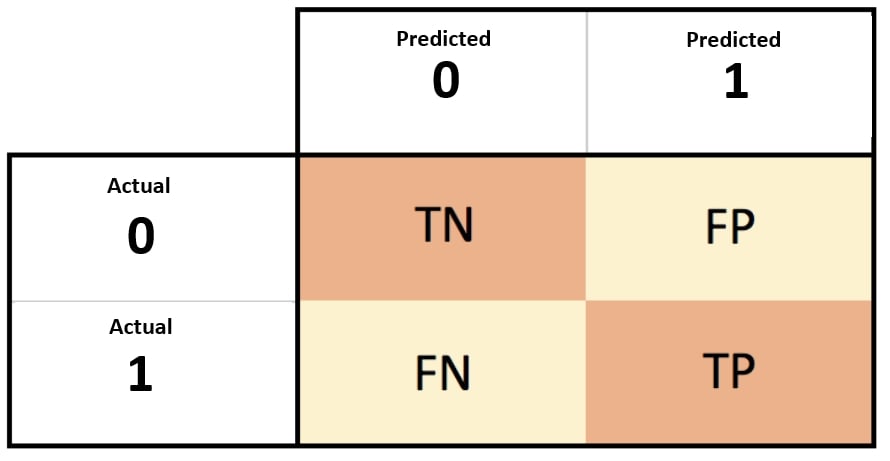
## Thứ ba, DenseNets khuyến khích sử dụng lại tính năng. Điều này có nghĩa là các tính năng được học bởi một lớp trong mạng có thể được sử dụng lại bởi các lớp khác, điều này có thể giúp giảm số lượng tham số trong mạng.

## DenseNets đã được chứng minh là đạt được kết quả tiên tiến trong nhiều nhiệm vụ phân loại hình ảnh. Ví dụ: DenseNet-121 đạt được tỷ lệ lỗi top 5 là 22,5% trên bộ dữ liệu ImageNet, tốt hơn so với tỷ lệ lỗi top 5 là 23,3% do ResNet-152 đạt được.

## Đánh giá mô hình

Đánh giá mô hình là quá trình đánh giá hiệu suất của một mô hình học máy. Nó được thực hiện bằng cách đánh giá mô hình trên một bộ kiểm tra đã tổ chức, đây là một bộ dữ liệu không được sử dụng để huấn luyện mô hình. Mục tiêu của việc đánh giá mô hình là xác định mức độ tổng quát của mô hình đối với dữ liệu mới.

Có một số chỉ số khác nhau có thể được sử dụng để đánh giá một mô hình máy học. Một số chỉ số phổ biến bao gồm:



* Accuracy: Độ chính xác được sử dụng trong các bài toán phân loại để cho biết tỷ lệ phần trăm các dự đoán chính xác được thực hiện bởi một mô hình. Điểm chính xác trong học máy là một chỉ số đánh giá đo lường số lượng dự đoán chính xác do một mô hình đưa ra so với tổng số dự đoán được đưa ra. Chúng tôi tính toán nó bằng cách chia số dự đoán đúng cho tổng số dự đoán.
* Precision: Khả năng của một mô hình phân loại chỉ xác định các điểm dữ liệu có liên quan. Về mặt toán học, độ chính xác là số lần khẳng định đúng chia cho tổng khẳng định đúng cộng với số lần khẳng định sai.
* Recall: Khả năng của một mô hình tìm thấy tất cả các trường hợp có liên quan trong một tập dữ liệu. Về mặt toán học, định nghĩa Recall là số lần khẳng định đúng chia cho số lần khẳng định đúng cộng với số lần phủ định sai.
* F1 Score: là một chỉ số đánh giá học máy để đo lường độ chính xác của mô hình. Nó kết hợp điểm chính xác và thu hồi của một mô hình. Số liệu về độ chính xác tính toán số lần một mô hình đưa ra dự đoán chính xác trên toàn bộ tập dữ liệu.

## CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

## Đặc điểm dữ liệu

## 

## Bộ dữ liệu về khối u não là tập hợp dữ liệu được sử dụng để huấn luyện và đánh giá các mô hình máy học nhằm phát hiện khối u não. Bộ dữ liệu này chứa ảnh chụp cộng hưởng từ của bệnh nhân bị u não cho biết trí của khối u. Tập dự liệu hiện tại bao gồm 2 thành phần chính là ảnh não có khối u (tumor) và ảnh não bình thường. Tập dữ liệu được chụp từ nhiều hướng khác nhau chủ yếu là ngang và dọc nhằm có đa góc nhìn về dữ liệu.

## Mô hình nghiên cứu

## Phương pháp nghiên cứu

## Giai đoạn huấn luyện mô hình

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Kịch bản | Mạng | Epochs | Learning rate | num\_steps | Num classes |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

## Giai đoạn kiểm thử mô hình

## Kịch bản thực nghiệm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mô hình mạng | T/g huấn luyện | Acc | Loss |
|  |  |  |  |

## CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THỰC NGHIỆM

## Mô trường cài đặt

## Các tham số của mô hình

## Kết quả

## Kết quả nghiên cứu huấn luyện

## Độ đo chính xác

## Kết quả thực nghiệm

## Tóm lại

## Điểm mới

## Hướng phát triển

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**